

Bản án số: 01/2023/DS-ST

Ngày: 03/01/2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài

sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C L, TỈNH K H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thái Cao Bình
2. Bà Nguyễn Thị Bội Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoa Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C L, tỉnh K H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C L, tỉnh K H tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C L, tỉnh K H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 70/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2022/QĐXXST-DS ngày 30/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2022/QĐST-DS ngày 15/12/2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Lê Thị A – Sinh năm: 1970

Địa chỉ: Tổ dân phố Tân Hải, thị trấn Cam Đức, huyện C L, tỉnh K H. (có mặt)

* Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T – Sinh năm: 1968

Bà Trần Thị L – Sinh năm: 1969

Cùng trú tại: Tổ dân phố Bãi Giếng Nam, thị trấn Cam Đức, huyện C L, tỉnh K H. (ông T, bà L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/5/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị A trình bày:

Ngày 13/10/2020, ông T bà L mượn của bà A số tiền 150.000.000đồng, mục đích để bổ sung vốn kinh doanh, hẹn 06 tháng sau trả, không lãi suất. Ngày 15/12/2020, ông T bà L mượn thêm của bà A số tiền 150.000.000đồng, mục đích để mua bán, hẹn trả sau 1 năm, không lãi suất. Hai bên có lập hợp đồng vay có công chứng, tuy nhiên, đến hạn trả nợ ông T bà L chây ì không trả nợ cho bà A. Nay bà A yêu cầu bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn T liên đới trả cho bà A số tiền vay là 300.000.000đồng và tiền lãi

với lãi suất 10%/năm (tiền lãi của hợp đồng ngày 13/10/2020 bắt đầu tính từ ngày 14/4/2021 cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm. Tiền lãi của hợp đồng ngày 15/12/2020 bắt đầu tính từ ngày 16/12/2021 cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm).

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị L đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Theo biên bản xác minh ngày 29/8/2022 tại Công an thị trấn Cam Đức thì ông T bà L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố Bãi Giếng Nam, thị trấn Cam Đức, huyện C L. Ông T và bà L hiện nay không sinh sống tại địa phương, không còn chỗ ở hợp pháp. Hiện nay, ông T, bà L ở đâu, làm gì địa phương không rõ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C L phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị L phải liên đới trả lại cho bà Lê Thị A 300.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm (0.83%/tháng) (tiền lãi của hợp đồng ngày 13/10/2020 bắt đầu tính từ ngày 14/4/2021 cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm. Tiền lãi của hợp đồng ngày 15/12/2020 bắt đầu tính từ ngày 16/12/2021 cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm); về án phí: ông T, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà Lê Thị A và ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C L theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị L vắng mặt lần thứ hai không lý do nhưng Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T và bà L bằng Thông báo giải quyết vụ án trên phương tiện thông tin đại chúng số 03/TB-TA ngày 24/10/2022. Do vậy, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tiền nợ gốc: Theo chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện nội dung: vào ngày 13/10/2020 và ngày 15/12/2020, ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị L có vay của bà Lê Thị A hai lần với tổng số tiền là 300.000.000đồng. Các bên có lập hợp đồng vay và cả hai hợp đồng đều được công chứng tại Văn phòng công chứng Thuận An. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng dân sự về vay tài sản giữa bà Lê Thị A và ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị L là có thật và hợp pháp, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Lê Thị A yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị L phải trả lại cho bà A số tiền nợ gốc 300.000.000đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất: Bà Lê Thị A yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị L trả tiền lãi đối với số nợ gốc theo mức lãi suất 10%/năm (tương ứng 0,83%/tháng), cụ thể: Đối với Hợp đồng vay ngày 13/10/2020, lãi suất được tính từ ngày 14/4/2021 đến ngày 03/01/2023 là 20 tháng 20 ngày:

$150.000.000\text{đồng} \times 0,83\%/tháng \times 20\text{ tháng } 20\text{ ngày} = 25.730.000\text{đồng}.$

Đối với Hợp đồng vay ngày 15/12/2020, lãi suất được tính từ ngày 16/12/2021 đến ngày 03/01/2023 là 12 tháng 18 ngày:

$150.000.000\text{đồng} \times 0,83\%/tháng \times 12\text{ tháng } 18\text{ ngày} = 15.687.000\text{đồng}.$

Như vậy, tổng số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn tính đến ngày xét xử là: $25.730.000\text{đồng} + 15.687.000\text{đồng} = 41.417.000\text{đồng}.$

[2.3] Xét thấy việc vay tài sản đã kéo dài một thời gian khá dài và ông T bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà A. Điều này đã làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị L phải trả lại số tiền đã vay và tiền lãi theo mức 0.83%/tháng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị A, buộc ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị A số tiền nợ gốc 300.000.000đồng, tiền lãi 41.417.000đồng, tổng cộng 341.417.000đồng.

[4] Về chi phí tố tụng: nguyên đơn bà Lê Thị A đã nộp chi phí tố tụng về thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 15.000.000đồng. Bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị L phải hoàn trả lại chi phí này cho nguyên đơn.

[5] Về án phí: Bị đơn phải nộp án phí DSST đối với khoản tiền phải trả cho nguyên đơn:

Cụ thể: $341.417.000\text{đồng} \times 5\% = 17.070.850\text{ đồng}$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 244, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị L phải liên đới trả cho bà Lê Thị A số tiền 341.417.000đồng (Ba trăm bốn mươi một triệu bốn trăm mười bảy nghìn đồng). Mỗi người phải trả cho bà Lê Thị A 170.708.500đồng (Một trăm bảy mươi triệu bảy trăm lẻ tám nghìn năm trăm đồng)

2. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị L mỗi người phải thanh toán lại cho bà Lê Thị A số tiền 7.500.000đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng)

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị L mỗi người phải nộp 8.535.425 đồng (tám triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Lê Thị A 8.060.000 đồng (tám triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: AA/2021/0009151 ngày 13/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C L.

4. Quy định: Kể từ ngày bà Lê Thị A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị L chưa thi hành xong khoản tiền phải trả cho nguyên đơn thì hàng tháng ông T và bà L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh K H;
- VKSND huyện C L;
- Chi cục THADS huyện C L;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Vi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

